

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản hình thành từ dự án Không gian du lịch phía Đông đường Hồ Xuân Hương

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản ngày 27/6/2024;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15; Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: số 20/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên cổng đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng cổng đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến; số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 233/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân; Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Công văn số 1178/STC-QLCS-GC ngày 02/02/2026 của Sở Tài chính về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công tại phường Sầm Sơn; Công văn số 3052/STC-QLCS-GC ngày 26/3/2026 của Sở Tài chính về việc tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác các dịch vụ thuộc dự án Không gian du lịch phía Đông đường Hồ Xuân Hương (Hubway);

Căn cứ các Quyết định của UBND phường Sầm Sơn: số 548/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 về việc phê duyệt giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản thuộc dự án: Không gian du lịch ven biển phía Đông đường Hồ Xuân Hương, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa được đầu tư theo hình thức đối tác công tư (Hợp đồng BOT); số 725/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 của UBND phường Sầm Sơn về việc phê duyệt bàn giao nguyên trạng tài sản cho Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Sầm Sơn quản lý tài sản thuộc Dự án Không gian du lịch phía Đông đường Hồ Xuân Hương; số 814/QĐ-UBND ngày 10/3/2026 về việc phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản thuộc dự án Không gian du lịch phía Đông đường Hồ Xuân Hương được hình thành từ dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BOT), đã được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; số 786/QĐ-UBND ngày 06/3/2026 về việc phê duyệt phương án quản lý và khai thác tài sản là không gian ven biển phía Đông đường Hồ Xuân Hương, phường Sầm Sơn; số 35/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 về việc phê duyệt phương án đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản hình thành từ dự án Không gian du lịch phía Đông đường Hồ Xuân Hương; số 37/QĐ-TTCUDVC ngày 25/3/2026 CỦA Trung tâm Cung ứng dịch vụ công về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản hình thành từ dự án Không gian du lịch phía Đông đường Hồ Xuân Hương; số 39/QĐ-TTCUDVC ngày 26/3/2026 về việc phê duyệt đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản hình thành từ dự án Không gian du lịch phía Đông đường Hồ Xuân Hương.

Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Sầm Sơn thông báo về việc lựa chọn Tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản hình thành từ dự án Không gian du lịch phía Đông đường Hồ Xuân Hương như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá:

- Tên người có tài sản đấu giá: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Sầm Sơn.

- Địa chỉ: Số 20 đường Nguyễn Du, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Thông tin về tài sản đấu giá cho thuê quyền khai thác

2.1. Tài sản đấu giá cho thuê quyền khai thác: Tài sản Không gian du lịch phía Đông đường Hồ Xuân Hương có giới hạn từ bờ kè chắn cát (khóa hè phía Đông đường Hồ Xuân Hương) về phía biển khoảng 30m theo từng khu vực cụ thể; chiều dài giới hạn từ chân núi Trường Lệ đến Vạn Chài resort (không bao gồm khu vực công trình cửa biển, sân khấu, nhà liên ngành, tượng đài anh hùng Nguyễn Thị Lợi, các lối lên xuống cho du khách tiếp cận bãi cát và 03 khu vực tập kết tàu thuyền).

Phạm vi cho thuê quyền khai thác tài sản đảm bảo không làm cản trở lối đi, tầm nhìn, hoạt động tắm biển của người dân; Không được rào chắn, chiếm dụng không gian công cộng dưới mọi hình thức.

Phạm vi cụ thể xác định theo mốc giới bàn giao, nguyên trạng tài sản: *(Có sơ đồ minh họa kèm theo và nguyên trạng tài sản kèm theo Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 26/2/2026 của UBND phường Sầm Sơn)*.

Danh mục công trình bao gồm:

- Hệ thống hubway (công trình dịch vụ bar - giải khát).
- Khu tắm tráng nước ngọt (có thu phí).
- Khu tắm tráng nước ngọt miễn phí.
- Các không gian khuôn viên cây xanh, cảnh quan.
- Các công trình phụ trợ.

Tài sản đầu tư, bổ sung của người trúng đấu giá trở thành tài sản của Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Sầm Sơn sau khi kết thúc hợp đồng.

2.2. Thời hạn cho thuê: Thời hạn cho thuê: 05 (năm) năm, tính từ thời điểm người trúng đấu giá ký hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản với Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Sầm Sơn.

2.3. Nguồn gốc và tình trạng pháp lý của tài sản: Là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa giao UBND phường Sầm Sơn quản lý, sử dụng, khai thác theo quy định; Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 của Chủ tịch UBND phường Sầm Sơn về việc bàn giao nguyên trạng tài sản cho Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Sầm Sơn quản lý.

2.4. Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản:
51.258.083.648 đồng (Bằng chữ : Năm mươi một tỷ, hai trăm năm mươi tám triệu, không trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm bốn mươi tám đồng).

- Giá trên chưa bao gồm các chi phí mà nhà đầu tư trúng đấu giá phải thực hiện, cụ thể:

+ Kinh phí sửa chữa, cải tạo Không gian du lịch phía Đông đường Hồ Xuân Hương, phường Sầm Sơn.

+ Kinh phí đảm bảo trật tự khu vực bờ biển.

+ Kinh phí đảm bảo vệ sinh môi trường bãi biển.

(Chi tiết nội dung, quy mô sửa chữa thực hiện theo QĐ số 786/QĐ-UBND ngày 06/3/2026 của UBND phường Sầm Sơn về việc phê duyệt phương án quản lý và khai thác tài sản là không gian ven biển phía Đông đường Hồ Xuân Hương, phường Sầm Sơn)

3. Hình thức đấu giá

Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp (Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 40 Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27/6/2024).

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

- Tiêu chí: Mọi tổ chức đấu giá tài sản phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại Khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016 và Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 của Bộ Tư pháp về lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản gồm:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0

1.1	<i>Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc</i>	5,0
1.2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện</i>	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	2,0
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0

1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	

5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0

9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá	3,0
2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có sở hữu trang đấu giá trực tuyến có giấy chứng nhận đăng ký bản quyền tác giả do cục bản quyền tác giả chứng nhận, có hợp đồng thuê Đơn vị bảo vệ chuyên nghiệp cho các hoạt động tổ chức đấu giá, có Hợp đồng với Công ty Luật chuyên nghiệp để tư vấn và xây dựng các văn bản pháp luật về đấu giá	4,0
3.	Trụ sở chính của Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá	1,0
Tổng số điểm		100

4. Thành phần hồ sơ đăng ký tham gia:

- Văn bản đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản (bản chính)
- Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả đúng quy định (bản chính)
- Hồ sơ năng lực pháp lý kèm theo: thành phần hồ sơ cung cấp đủ theo các tiêu chí quy định tại Điều 33 và Phụ lục I kèm theo Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá. (đối với những tổ chức đấu giá tài sản không cung cấp đủ hồ sơ để chấm điểm tại tiêu chí nào thì không có điểm tại tiêu chí đó)

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Thời gian: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo.
- + Buổi sáng từ 07h30 phút đến 12h00 phút.
- + Buổi chiều từ 13h00 phút đến 16h30 phút.

- **Lưu ý:** Hồ sơ đã nộp để đăng ký tham gia không được hoàn trả lại.

- Địa điểm nhận hồ sơ: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Sầm Sơn, Số 20 đường Nguyễn Du, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Mọi chi tiết liên hệ trực tiếp trong giờ hành chính tại bộ phận Đấu giá Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Sầm Sơn (hoặc liên hệ theo SĐT 0917.233.248 Đ/c Dương Đức Hưng, Giám đốc; SĐT: 0915.082.269 Đ/c Trịnh Văn Toàn, Kế toán).

Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Sầm Sơn thông báo đến các tổ chức đấu giá được biết để đăng ký tham gia./.

Nơi nhận:

- Cổng TTĐT Quốc gia về ĐGTS (để đăng TB);
- VP UBND tỉnh (để đăng Website của UBND tỉnh);
- Cổng thông tin điện tử của UBND phường Sầm Sơn (để đăng thông báo);
- Thường trực Đảng ủy (để b/cáo);
- Chủ tịch UBND phường (để b/cáo);
- Các PCT UBND phường (để b/cáo);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Dương Đức Hưng

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số
01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15)

TT	Nội dung	Mức tối đa	Ghi chú
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	
2	Không có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0	
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0	
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0	
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0	
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0	
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0	
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0	
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0	
4	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến 1,0	1,0	
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0	
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0	
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	
2	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0	
3	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0	
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0	
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0	

TT	Nội dung	Mức tối đa	Ghi chú
4	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0	
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	57,0	
1	Tổng số cuộc đấu giá trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và không thành)	6,0	
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm	18,0	
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)	5,0	
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản	3,0	
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản	4,0	
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng	5,0	
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động	3,0	
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0	
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp	5,0	
1	Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0	
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0	
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0	
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0	
1	Đã thực hiện đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá	3	
2	Đơn vị tham gia tổ chức đấu giá có mức thù lao dịch vụ thấp nhất	2	
Tổng số điểm		100	
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	

TT	Nội dung	Mức tối đa	Ghi chú
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>	